

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LƯƠNG SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2023
V/v tranh chấp: Chia tài sản chung sau
ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ánh Hồng và bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bình – Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83 /TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023, về việc: Chia tài sản chung sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17 /2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/QĐHPT ngày 21/8/2023 , giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm S, xã Nh, huyện tỉnh H

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V sinh năm 1960 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm S xã Nh, huyện L, tỉnh H.

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :

+ Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1986 (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1988(vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1993(vắng mặt)

Đều trú tại: Xóm S, xã Nh, huyện L, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Bùi Thị Th trình bày : Tôi và ông Nguyễn Văn V kết hôn với nhau và sinh được 3 người con là Nguyễn Văn Th,

Nguyễn Văn S và, Nguyễn Văn T. Năm 1998 gia đình tôi lúc đó có 5 khẩu gồm tôi, ông Việt và 3 người con, gia đình tôi được nhà nước giao cho 2.746m² đất nông nghiệp gồm các thửa; Thửa số 209 diện tích 578m², thửa 359 diện tích 392m², thửa 131 diện tích 236m², thửa 420 diện tích 105m², thửa số 422 diện tích 103m².

Năm 2021; vợ chồng tôi ly hôn, phân tài sản chung chúng tôi chưa đề nghị Tòa án giải quyết. Năm 2021 nhà nước thu hồi thửa đất số 456 với số tiền 118.000.000đồng chúng tôi đã chia đều cho 5 người xong, năm 2022 nhà nước tiếp tục thu hồi thửa đất số 209 và thửa số 359 với số tiền là 260.828.460 đồng. Hiện tại số tiền này ông V đang giữ không trả tôi. Nếu chia đều 5 người thì mỗi người được 52.166.000đồng nhưng tôi chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Việt phải trả tôi 50.000.000đồng. Số tiền còn lại tôi để cho bố con ông Việt

Về phía bị đơn : Ông Nguyễn Văn V trình bày ngày 20/6/1998 hộ gia đình tôi gồm tôi và bà Thiên, cháu Th, cháu S và cháu T được nhà nước giao cho 2746m² đất gồm các thửa 209,359, 131, 420, 103, 456, 256, 422. Năm 2021 tôi ly hôn với bà Th, trong khi ly hôn chúng tôi không yêu cầu tòa án giải quyết phân tài sản chung. Cũng năm 2021 nhà nước thu hồi thửa đất số 456 với số tiền 118.000.000đồng chúng tôi đã chia đều cho 5 khẩu. Đầu năm 2023 nhà nước đền bù tiếp thửa đất số 209 diện tích 587m² và thửa số 359 diện tích 392m² với số tiền là 260.828.460 đồng số tiền này hiện nay tôi đang giữ mục đích là để khi làm thủ tục cấp giấy CNQSD thửa đất ở mà hiện tại gia đình tôi và bà Th cũng ở trên thửa đất đó nhưng bà Th không nghe. Nay bà Th yêu cầu tôi trả 50.000.000đồng tôi không đồng ý.

Về phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : Tại văn bản tự khai, Biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn Th và anh Nguyễn Mạnh T đều trình bày: năm 1989 gia đình được Nhà nước cấp cho 2.746m² đất nông nghiệp. Năm 2021 ông Việt và bà Thiên ly hôn về phân tài sản không đề nghị tòa giải quyết. Năm 2021 nhà nước thu hồi 1 thửa đất số 456 với số tiền được đền bù là 118 triệu chúng tôi đã chia đều cho 5 người. Năm 2023 nhà nước đền bù tiếp thửa số 208 và thửa số 359 số tiền là 260.803.000đồng số tiền này gia đình tôi có ý định để làm lệ phí cấp giấy CNQSD đất thổ cư hiện tại gia đình tôi và mẹ tôi đang ở. Tôi cũng đồng ý với ý kiến của bố tôi, tuy nhiên mẹ tôi cương quyết đòi 50.000.000đồng tôi cũng đồng ý sẽ trả mẹ tôi. Hiện tại số tiền này bố tôi đang quản lý, chúng tôi chưa yêu bố tôi phải trả cho chúng tôi.

+ Anh Nguyễn Văn S : Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh Sơn có tình vắng mặt nên không có văn bản trả lời quan điểm của mình.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Bùi Thị Th buộc ông Nguyễn Văn V phải trả cho bà Bùi Thị Thiên số tiền 50.000.000đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Bùi Thị Th khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 BLTTDS; các đương sự có nơi cư trú tại xã Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hoà Bình.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 21/8/2023 anh Nguyễn Văn S không có mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa và ra Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh S, anh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, anh Th có đơn xin xét xử vắng năm nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt anh Sơn, anh T, anh Th là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ông Nguyễn Văn Việt và bà Bùi Thị Th kết hôn năm 1986 và có 3 con chung là Nguyễn Văn Th, sinh năm 1986, Nguyễn Văn S sinh năm 1988, Nguyễn Văn T sinh năm 1993. Năm 1998 hộ ông Nguyễn Văn V được nhà nước cấp cho 2.746m² đất trồng lúa. Năm 2021 ông Nguyễn Văn Việt và bà Bùi Thị Th ly hôn. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 155/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2021 về phần tài sản không yêu cầu tòa giải quyết.

Năm 2023; nhà nước có thu hồi thửa đất số 208 và thửa số 359, tờ bản đồ số 48 diện tích 980.9m². Số tiền được đền bù là 260.828.460 đồng (hai trăm sáu mươi triệu, tám trăm hai tám nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng). Số tiền này cả ông Việt, anh Th, anh T, anh S đều công nhận có một phần của bà Th, ông V cũng đồng ý trả bà Th nhưng không phải trả tại thời điểm này. Khi nào gia đình ông làm xong giấy CNQSD thửa đất ở trừ đi chi phí làm thủ tục còn lại bao nhiêu trả cho bà Thiên.

Bà Th không đồng ý với đề nghị của ông V và cho rằng thủ tục làm giấy CNQSD đất thổ cư không liên quan đến số tiền đền bù đất nông nghiệp.

Tòa xét: Các thửa đất số các thửa 209,359, 131, 420, 103, 456, 256, 422 là tài sản chung của của ông V, bà Th, anh Thành, anh T, anh S. Khi ly hôn ông V và bà Th không yêu cầu tòa án giải quyết, năm 2023 Hai thửa đất số 208 và thửa số 359, tờ bản đồ số 48 diện tích 980.9m² được nhà nước thu hồi và đền bù số tiền 260.828.460 đồng (hai trăm sáu mươi triệu, tám trăm hai tám nghìn, bốn trăm sáu mươi đồng) Theo ông V, bà Th, anh Th, anh T trình bày thì số tiền nhà nước bồi thường, ông V đang quản lý là của 5 người gồm (Bà Thiên, ông Việt, anh Th anh T, anh S) Như vậy 260.828.460 đồng: 5 = 52.165.692 đồng. Tuy nhiên bà Th chỉ yêu cầu ông Việt trả bà 50.000.000đồng Hội đồng xét xử xét thấy số tiền 260.828.460 đồng hiện tại ông Việt đang quản lý. Nay bà Th yêu cầu ông V phải chia trả cho bà 50.000.000đồng là có căn cứ đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn V và bà Bùi Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự; Điều 209; Điều 212 BLDS năm 2015 điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Th đối với ông Nguyễn Văn V.

- Buộc ông Nguyễn Văn V phải trả bà Bùi Thị Th số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).

2/ Về án phí: Buộc bà Bùi Thị Th phải chịu 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo Biên lai số 0005509 ngày 04/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, nay bà Thiên còn phải nộp 1.250.000 đồng. Ông Nguyễn Văn V phải chịu 10.541.000 đồng (Mười triệu, năm trăm bốn một nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu người phải thi hành án không trả khoản tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thỏa thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 của luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Th và ông Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Th, anh Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Mạnh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lương Sơn;
- UBND xã Nhuận Trạch, Lương Sơn;
- Công thông tin TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nguyệt

